

Số: 11/2023/QĐST - HNGĐ

TP. Hưng Yên, ngày 22 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 45/2023/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Ninh Thị P**, sinh năm 1985;

- Anh **Đỗ Ngọc Q**, sinh năm 1984;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (con chung của anh **Q**, chị **P**): Cháu **Đỗ Bá T**, sinh ngày 12/8/2012.

Cùng đăng ký HKTT tại: **Đ, thôn Đ, xã H, thành phố H;**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Ninh Thị P** và anh **Đỗ Ngọc Q** kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã H** ngày 08/11/2011 không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị **P** và anh **Q** là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị **P** cho rằng: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2015, đầu năm 2016. Nguyên nhân là anh **Q** có tính gia trưởng, luôn bắt chị làm theo ý của anh ấy, nếu không làm theo thì anh **Q** đánh. Ngoài ra, anh **Q** hay lạnh nhạt, không quan tâm đến tình cảm và cảm xúc của chị trong một thời gian dài. Cuối năm 2015 vợ chồng không còn chung sống với nhau, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm gì đến nhau nữa.

Anh **Q** cho rằng: Hai vợ chồng anh không có tiếng nói chung trong làm kinh tế, trong cách nuôi dạy con cái. Vào khoảng tháng 3/2014, chị **P** tự ý bỏ nhà đi khoảng 1 tuần không nói với ai. Từ năm 2014 vợ chồng sống ly thân nhau, vợ chồng không ai quan tâm tới ai, độc lập về kinh tế.

Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị **P** và anh **Q** mỗi người đều đưa ra những lý do riêng để cho rằng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Và thực tế, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, không ai còn quan tâm đến ai, vợ chồng độc lập về kinh tế.

Từ những nhận định trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **P**, anh **Q** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của chị **P**, anh **Q** là chính đáng, có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị **P**, anh **Q**.

[2] *Về con chung*: Chị **P**, anh **Q** đều khẳng định vợ chồng chỉ có một con chung là cháu **Đỗ Bá T**, sinh ngày 12/8/2012. Hiện nay cháu **T** đang ở với anh **Q**. Chị **P**, anh **Q** thỏa thuận: Anh **Q** sẽ tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu **T** đủ 18 tuổi, chị **P** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh **Q**; chị **P** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chị **P**, anh **Q** là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại và quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

[3] *Về tài sản*: Chị **P**, anh **Q** đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] *Về lệ phí*: Chị **P**, anh **Q** thống nhất thỏa thuận để chị **P** tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị **Ninh Thị P** và anh **Đỗ Ngọc Q** tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị **P**, anh **Q** đều khẳng định vợ chồng chỉ có một con chung là cháu **Đỗ Bá T**, sinh ngày 12/8/2012. Hiện nay cháu **T** đang ở với anh **Q**.

Chị **P**, anh **Q** thỏa thuận:

- + Anh **Q** sẽ tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu **T** đủ 18 tuổi;
- + Chị **P** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh **Q**;
- + Chị **P** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

*Vì quyền lợi của con chung, anh **Q**, chị **P** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; đề nghị cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.*

- *Về tài sản*: Chị **P**, anh **Q** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

- *Về lệ phí*: Chị **P**, anh **Q** thỏa thuận: Chị **P** nộp cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí chị **P** đã nộp theo biên lai thu số 0001445 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Chị **P** đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THA dân sự TP Hưng Yên;
- UBND xã Hồng Nam, TP Hưng Yên, Hưng Yên (ĐKKH số 41, ngày 08/11/2011);
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đăng Khuê